

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 6
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 34/2026/HS-ST
Ngày: 26-5-2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6, TỈNH TÂY NINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Quốc Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Lâm Thị Ngọc Huệ;
- Bà Nguyễn Thị Bích Phượng.

Thư ký phiên tòa: Ông Dương Minh Hoàng – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 6, tỉnh Tây Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Võ Hồng Nhân – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 30/2026/TLST-HS, ngày 29 tháng 4 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2026/QĐXXST-HS, ngày 14 tháng 5 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 6, tỉnh Tây Ninh đối với bị cáo:

Họ và tên: **Lê Hồng P**, sinh ngày: 23/3/1979; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: **Số nhà D, đường H, Khu phố C, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh**; Chỗ ở hiện nay: **Số nhà A, đường L - 6, Khu phố C, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh**.

Nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 02/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; họ tên cha: **Lê Văn H**, sinh năm 1956 (Đã chết); Họ tên mẹ: **Phạm Thị S**, sinh năm 1958; họ tên vợ: **Trần Thị Tuyết N**, sinh năm: 1978 (Đã ly hôn); Bị cáo có 04 người con, lớn nhất sinh năm 2000 và nhỏ nhất năm 2019.

Tiền án:

- Ngày 21/01/2016, bị Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án hình sự sơ thẩm số 06/2016/HSST, ngày 21/01/2016, chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 24/3/2016, nộp án phí hình sự sơ thẩm ngày 07/6/2016 nhưng chưa xóa án tích do năm 2017 tái phạm đến nay chưa được xóa án tích.

- Ngày 19/9/2017, bị Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 02 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án hình sự sơ thẩm số 133/2017/HS-ST, ngày 19/9/2017 chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 01/3/2019, bị cáo chưa nộp án phí hình sự sơ thẩm.

Tiền sự: không.

Nhân thân: Ngày 05/10/2023, bị Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện ma túy theo quyết định số 909/2023/QĐ-TA, ngày 05/10/2023 với thời hạn 18 tháng, chấp hành xong ngày 19/12/2024.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 13/01/2026 cho đến nay tại Phân trại tạm giam **T**, Trại tạm giam số 2, **Công an tỉnh T**.

(Bị cáo có mặt).

Bị hại: Ông **Lê Chí T**, sinh năm: 1988; Địa chỉ: **Ấp E, xã L, tỉnh Tây Ninh** (Vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Ông **Lê Hồng V**, sinh năm: 1980; Địa chỉ: **Số nhà A, đường L - 6, Khu phố C, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh** (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 13 giờ 00 phút ngày 08/01/2026, bị cáo **Lê Hồng P** rủ em ruột là **Lê Hồng V** đi mua điện thoại cũ về bán để kiếm lời thì **V** đồng ý. **V** điều khiển xe mô tô biển số 59P2-563.52 chở **P** từ Thành phố Hồ Chí Minh đến đoạn đường thuộc **Ấp A, xã L, tỉnh Tây Ninh** thì giữa **P** và **V** xảy ra cãi vã về việc mua điện thoại nên **V** bỏ **P** xuống đường, rồi **V** điều khiển xe bỏ đi. Sau đó, **P** đi bộ một mình được một đoạn khoảng 200m, phát hiện có một xe mô tô hiệu Honda, loại Winer X, màu đỏ - bạc – đen, biển số 62L1-702.92 của ông **Lê Chí T** dựng ở lề đường, trên xe có cắm sẵn chìa khóa, không có người trông coi, nên

P lên lút đi lại điều khiển xe trộm được chạy về Thành phố Hồ Chí Minh và gửi tại **Bệnh viện Đ**, rồi **P** về nhà có nói cho **V** biết việc đã trộm xe. Khi đó **V** nói “Xe của người ta mà trộm gì” rồi kêu **P** đi trả. Đến ngày 12/01/2026, **V** tiếp tục điều khiển xe mô tô biển số 59P2-563.52 chở **P** đi mua điện thoại, khi đến đoạn đường thuộc **Ấp A, xã R, tỉnh Tây Ninh** thì cả 02 bị Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an tỉnh T** mời làm việc, qua làm việc **P** thừa nhận toàn bộ hành vi phạm trộm cắp xe nêu trên của mình.

Tại kết luận định giá tài sản số 02/KL-HĐĐGTX, ngày 13/01/2026 của Hội đồng định giá thường xuyên trong tổ tụng hình sự của **Ủy ban nhân dân xã L**, tỉnh Tây Ninh, kết luận: 01 xe mô tô biển số 62L1-702.92, giá trị thẩm định là 12.166.667đ.

Về vật chứng: Cơ quan Cảnh sát điều tra tạm giữ 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Winner, biển số 62L1-702.92 và 01 xe mô tô biển số 59P2-563.52 cùng giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 59P2-563.52. Sau đó Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an tỉnh T** đã trả lại các tài sản trên cho chủ sở hữu.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại **Lê Chí T** đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường gì nên không xem xét.

Cáo trạng số 08/CT-VKSKV6, ngày 28 tháng 4 năm 2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6, tỉnh Tây Ninh đã truy tố bị cáo **Lê Hồng P** về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa,

Đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị:

Tuyên bố bị cáo **Lê Hồng P** phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Về hình phạt:

Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38, 50 của Bộ luật hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù.

Về trách nhiệm dân sự: Do bị hại không yêu cầu gì nên không xem xét.

Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Bị cáo không tranh luận; tại lời nói sau cùng, bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và xét xử, bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, Hội đồng xét xử xác định các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng được thực hiện hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo **Lê Hồng P** khai nhận hành vi như cáo trạng đã truy tố. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; phù hợp với biên bản xác định địa điểm nơi xảy ra vụ việc. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định vào khoảng 14 giờ 10 phút ngày 08/01/2026, tại **Ấp A, xã L, tỉnh Tây Ninh**, bị cáo **Lê Hồng P** đã lợi dụng sự sơ hở mất cảnh giác của chủ sở hữu tài sản khi để xe bên đường, không có người trông coi, chìa khóa để sẵn trên xe nên đã lén lút chiếm đoạt 01 xe mô tô hiệu Honda, loại Winner X, màu đỏ - bạc - đen, biển số 62L1-702.92 của ông **Lê Chí T**, trị giá 12.166.667đ.

[3] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của bị hại mà còn gây tâm lý hoang mang, lo lắng, làm mất an ninh trật tự tại địa phương. Quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật thừa nhận và bảo vệ, ai xâm phạm đến sẽ bị pháp luật xử lý. Tuy nhiên do bị cáo tham lam nên đã lợi dụng sự sơ hở, mất cảnh giác của chủ sở hữu để thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt. Bị cáo là người có đủ năng lực hành vi dân sự, đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, đang có tiền án về tội chiếm đoạt tài sản nên phải biết hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố tình thực hiện. Bị cáo đã bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “Tái phạm” vào năm 2017 chưa được xóa án tích nay lại tiếp tục phạm tội do cố ý do đó bị cáo bị áp dụng tình tiết định tội theo điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự là “Tái phạm nguy hiểm”.

[4] Từ những phân tích và nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định bị cáo **Lê Hồng P** phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Điều 173 Bộ luật Hình sự quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc bị phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

...

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

...

g) Tái phạm nguy hiểm.

...”

[5] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[5.1] Tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Tình tiết tái phạm nguy hiểm của bị cáo đã được xem là tình tiết định khung hình phạt nên không xét là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

[5.2] Tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[6] Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử, xử phạt bị cáo từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù. Hội đồng xét xử xét thấy phù hợp, bị cáo bị truy tố theo điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ Luật hình sự với tình tiết định khung là “Tái phạm nguy hiểm” cũng về các hành vi trộm cắp tài sản. Do đó cần cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục các bị cáo, đề cao tính nghiêm minh của pháp luật và phòng ngừa chung.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu gì, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Đối với **Lê Hồng V**: Ngày 08/01/2026 **V** cùng đi với bị cáo **P** để mua điện thoại cũ, nhưng do phát sinh mâu thuẫn nên đã về trước, không biết việc **P** thực hiện hành vi “Trộm cắp tài sản” nên không là đồng phạm với **P** về tội “Trộm cắp tài sản”. Sau đó, khi **P** kể lại việc trộm xe cho **V** nghe thì **V** có yêu cầu **P** trả lại xe, hơn nữa **V** và **P** là anh em ruột, **P** phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự là tội phạm nghiêm trọng nên **V**

không cấu thành tội “Không tố giác tội phạm” theo quy định tại khoản 2 Điều 19 và khoản 1 Điều 390 của Bộ luật hình sự.

[9] Về án phí: Buộc bị cáo chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo **Lê Hồng P** phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; các Điều 38, 50 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo **Lê Hồng P** 03 (Ba) năm tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam là ngày 13/01/2026.

Áp dụng Điều 329 của Bộ luật Tố tụng hình sự, tiếp tục tạm giam bị cáo **Lê Hồng P** 45 (Bốn mươi lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án (26/5/2026) để đảm bảo cho việc thi hành án.

2. Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự 2015; Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án:

Buộc bị cáo **Lê Hồng P** chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

3. Bị cáo có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt, được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh (01b);
- VKSND Khu vực 6 – Tây Ninh (01b);
- Phòng PV 06 CA tỉnh Tây Ninh (01b);
- VKSND tỉnh Tây Ninh (01b);
- CQCSĐT Công an tỉnh Tây Ninh (01b);
- THADS tỉnh Tây Ninh (01b);
- Bị cáo (01b);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Quốc Dũng